

Số: 31 /QĐ-MNTS

Uông Bí, ngày 7 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai thực hiện dự toán Thu - chi ngân sách năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố thành phố Uông Bí "V/v giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024";

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Uông Bí về việc giao dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn về việc công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2025 của trường Mầm non Thanh Sơn (theo biểu 03 đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Uông Bí, ngày 7 tháng 2 năm 2025

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024

Căn cứ vào Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 31/QĐ-MNTS ngày 7/02/2025 của trường mầm non Thanh Sơn về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Hôm nay, vào hồi 15h30' ngày 7/02/2025, Trường MN Thanh Sơn gồm:

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 41/41
- Chủ trì: Đ/C Nguyễn Thị Thanh Huyền - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện BCHCD: Đ/C Nguyễn Thị Nga - Chức vụ: Hiệu phó - Chủ tịch CD trường
- Đại diện Ban TTND: Đ/C Đặng Thị Nhân - Chức vụ: Trưởng ban TTND
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thị Thu Hương - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/C Trịnh Thị Phương Hoa - Chức vụ: Giáo viên- Thư ký HĐ

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thu, chi nguồn ngân sách năm 2024. (có phụ lục văn bản chi tiết kèm theo)

2.2. Thời gian niêm yết kể từ ngày 07/02/2025 đến hết ngày 07/03/2025.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của Trường MN Thanh Sơn, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thu chi nguồn ngân sách năm 2024 của Trường MN Thanh Sơn, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua Đ/C Đặng Thị Nhân - Chức vụ: Giáo viên -Trưởng ban TTND để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định).

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của Trường MN Thanh Sơn thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai chi ngân sách năm 2024 của Trường MNTS từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h00 cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán.

THƯ KÝ

Trịnh Thị Phương
Hoa

KẾ TOÁN

Phạm T Thu Hương

TRƯỞNG BAN
TTND

Đặng Thị Nhân

ĐẠI DIỆN BCHCD
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Nga

CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh
Huyền

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn

Mã DVQHNS: 1101850

Mã cấp NS: 3



Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỔI CHIỀU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	201.840.000	1.048.544.293	1.048.544.293	1.048.544.293	1.035.862.518	1.035.862.518	0	0	0	12.681.775
13	071	00000	0	5.320.850.000	6.334.186.900	6.334.186.900	6.334.186.900	6.284.761.900	6.284.761.900	0	0	49.425.000	49.425.000
18	071	00000	0	0	192.585.000	192.585.000	192.585.000	192.585.000	192.585.000	0	0	0	0
Cộng:			0	5.522.690.000	7.575.316.193	7.575.316.193	7.575.316.193	7.513.209.418	7.513.209.418	0	0	49.425.000	62.106.775

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Xuân Quang

Người ký: Trần Xuân Quang
Ngày ký: 10/02/2025 10:09:17
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Thanh Hương
Ngày ký: 07/02/2025 14:43:20
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn

Người ký: Nguyễn Thị Thanh Hương
Ngày ký: 07/02/2025 14:43:20
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn

Mã DVCQHS: 1101850

Mã cấp NS: 3

Ngày ký: 10/02/2024 10:05:31
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Lương Bi - Quảng
Mình
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đề
cầu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỔI CHIỀU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp khác	12	071	6149	00000	0	0	22.178.893	22.178.893	22.178.893	22.178.893
Hồ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	12	071	6156	00000	0	0	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000
Hồ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	071	6157	00000	0	0	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	071	6199	00000	0	0	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000
Vật tư văn phòng khác	12	071	6599	00000	0	0	26.510.000	26.510.000	26.510.000	26.510.000
Phụ phẩm, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	12	071	6608	00000	0	0	11.590.000	11.590.000	11.590.000	11.590.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	071	7001	00000	0	0	94.135.000	94.135.000	94.135.000	94.135.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	12	071	7757	00000	0	0	3.716.625	3.716.625	3.716.625	3.716.625
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	828.675.000	828.675.000	828.675.000	828.675.000
Chi các khoản khác	12	071	7799	00000	0	0	42.592.000	42.592.000	42.592.000	42.592.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	2.327.515.626	2.327.515.626	2.327.515.626	2.327.515.626
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	54.486.000	54.486.000	54.486.000	54.486.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	1.043.623.278	1.043.623.278	1.043.623.278	1.043.623.278
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	2.484.000	2.484.000	2.484.000	2.484.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	531.953.641	531.953.641	531.953.641	531.953.641
Phụ cấp thâm niên	13	071	6201	00000	0	0	22.010.000	22.010.000	22.010.000	22.010.000

Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị	13	071	6254	00000	0	0	13.527.866	13.527.866	13.527.866	13.527.866
Chi khác	13	071	6299	00000	0	0	10.650.000	10.650.000	10.650.000	10.650.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	656.617.981	656.617.981	656.617.981	656.617.981
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	112.611.655	112.611.655	112.611.655	112.611.655
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	75.008.309	75.008.309	75.008.309	75.008.309
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	37.503.879	37.503.879	37.503.879	37.503.879
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	071	6404	00000	0	0	281.749.498	281.749.498	281.749.498	281.749.498
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	72.768.507	72.768.507	72.768.507	72.768.507
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	39.388.110	39.388.110	39.388.110	39.388.110
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	37.375.000	37.375.000	37.375.000	37.375.000
Khoản văn phòng phẩm	13	071	6553	00000	0	0	7.400.000	7.400.000	7.400.000	7.400.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	75.585.000	75.585.000	75.585.000	75.585.000
Thuế bao kính vệ tinh, thuế bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	3.960.000	3.960.000	3.960.000	3.960.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	071	6608	00000	0	0	4.274.900	4.274.900	4.274.900	4.274.900
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	071	6701	00000	0	0	4.240.000	4.240.000	4.240.000	4.240.000
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	071	6703	00000	0	0	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Thuế lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Chi phí thuê mướn khác	13	071	6799	00000	0	0	32.850.000	32.850.000	32.850.000	32.850.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	20.728.000	20.728.000	20.728.000	20.728.000
Đồ dùng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	071	7004	00000	0	0	7.819.000	7.819.000	7.819.000	7.819.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	405.499.500	405.499.500	405.499.500	405.499.500
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	201.832.150	201.832.150	201.832.150	201.832.150
Thuổng xuyên	18	071	6201	00000	0	0	192.585.000	192.585.000	192.585.000	192.585.000

	Cộng:	0	0	7.513.209.418	7.513.209.418	7.513.209.418
Phần KBNN ghi:						

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Trần Xuân Quang

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 10/02/2025 18:09:27
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: KBNN Tổng cục Quản lý Thuế

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Người ký: Nguyễn Thị Thanh Huyền
Ngày ký: 07/02/2025 14:41:30
Chức danh: Trưởng phòng Kế toán